

Số: 461 /TB-QLTTTN

Tây Ninh, ngày 09 tháng 4 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-QLTTTN ngày 04/4/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Phương án xử lý đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu;

Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh thông báo công khai việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, như sau:

1. Tên đơn vị có tài sản đấu giá:

1.1 Tên đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh

1.2 Địa chỉ: số 16D12, đường Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

Tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (kèm theo bảng kê chi tiết tài sản).

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Giá khởi điểm của tài sản trên chưa bao gồm thuế GTGT, khách hàng trúng đấu giá tự chịu chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa và các chi phí liên quan khác theo quy định.

4. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản:

Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản căn cứ theo khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản năm 2016.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức Đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia

lựa chọn của mình. Cụ thể theo Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	6,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0
1	Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	2,0
2	Có tối thiểu 02 biên bản đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu với các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh trong thời gian 01 năm tính đến thời điểm thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá.	2,0
3	Có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp và phù hợp với Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính.	1,0
Tổng số điểm		100

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

- **Hồ sơ pháp lý:** Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập.

* **Lưu ý:** Trường hợp có từ 02 (hai) tổ chức đấu giá trở lên có số điểm chấm bằng nhau thì việc lựa chọn tổ chức đấu giá ưu tiên theo thứ tự:

- Tổ chức có số điểm về tiêu chí năng lực, kinh nghiệm và uy tín cao hơn.
- Tổ chức có số điểm về tiêu chí phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn.
- Tổ chức có số điểm về tiêu chí thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp hơn.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia của tổ chức đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ: kể từ ngày ra thông báo đến 16 giờ 30 phút ngày 12/4/2024 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh (qua Phòng Tổ chức – Hành chính), địa chỉ: Số 16D12 đường Võ Thị Sáu, KP7, Phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Mọi chi tiết liên hệ: Ông Phạm Văn Thanh – Phòng Tổ chức – Hành chính, điện thoại: 090.787.3232.

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản: Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh sẽ gửi thông báo đến Tổ chức đấu giá được lựa chọn; không hoàn trả lại hồ sơ đối với những hồ sơ không được lựa chọn.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. / *CL*

Nơi nhận:

- BLĐ Cục QLTT (b/c);
- Các Phòng, Đội QLTT;
- Đăng công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn>);
- Đăng công thông tin điện tử Cục QLTT (<https://tayninh.dms.gov.vn/>);
- Lưu: VT, TCHC.



Châu Thanh Long

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH TÂY NINH



BẢNG KÊ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU CHUYỂN BÁN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 461/TB-QLTTTN ngày 09/4/2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh)

S T T	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt		Tên tài sản	nhãn hiệu/Chủng loại (quy cách)	Tình trạng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Số	Ngày tháng								
1	Đội QLTT số 2	45020008/QĐ- TT	12/03/2024	Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu HONDA; Số loại: JF24 LEAD_ST; Màu sơn: đen; Dung tích xi lanh: 108; năm sản xuất: 2009; Số máy: JF24E-0123870; Số khung: RLHJF240X9Y102123 (số khung và số máy không bị đục sửa)	Đã qua sử dụng	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000	Bán đấu giá (nguyên chiếc)
Tổng cộng										2.000.000	